

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/KDTM-ST.

Ngày: 28/4/2025.

V/v: “Tranh chấp thực hiện
nghĩa vụ thanh toán”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Nam Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bá Xuân.

Ông Nguyễn Hải Hà.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy - Thư ký Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại Toà án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST- KDTM ngày 07/01/2025 về “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ thanh toán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐST – HPT ngày 08/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T1.

Địa chỉ: Lô I khu Công nghiệp T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân T. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần X. (Nay là Công ty TNHH X)

Địa chỉ: Số C hẻm F Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức D – Giám đốc. (Ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, Công ty Cổ phần X (Nay là Công ty TNHH X) (sau đây gọi là Công ty X) ký kết hợp đồng số 08/HĐKT-BD/2021 với Công ty Cổ phần T1, đổi tên từ Công ty CP N (sau đây gọi là Công ty T1) về việc Công ty T1 nhận cung cấp, lắp đặt cho Công ty X các hạng mục thiết bị bếp dầu 150-K20 của bếp ăn Cơ quan/Lữ đoàn 675/Binh chủng Pháo binh tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Giá trị hợp đồng: 285.760.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

Công ty X đã thanh toán cho Công ty T1: 228.608.000 đồng vào các ngày 20/7/2021 và 26/7/2021. Giá trị chưa thanh toán: 57.152.000 đồng (năm mươi bảy triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng). Công ty T1 đã hoàn thành nghĩa vụ cung cấp, lắp đặt, bàn giao đưa vào sử dụng thiết bị cho Công ty X từ ngày 25/7/2021.

Trong quá trình từ năm 2021 đến nay, Công ty T1 đã rất nhiều lần liên hệ, gửi công văn đề nghị Công ty X thanh toán số công nợ còn lại là 57.152.000 đồng. Nhưng không nhận được sự hợp tác, phản hồi cụ thể từ Công ty X.

Sau rất nhiều lần làm việc nhưng không đưa đến kết quả thống nhất, ngày 14/11/2022, Công ty T1 có gửi công văn số 10/CV-ĐA thông báo về số công nợ nêu trên cho Công ty X, yêu cầu Công ty P lại. Nếu không có phản hồi, Công ty T1 sẽ lấy đó làm căn cứ để khởi kiện ra Tòa án, nhưng đến nay Công ty T1 vẫn chưa nhận được giải trình phù hợp của Công ty X.

Như vậy Công ty Cổ phần X (Nay là Công ty TNHH X) đã vi phạm hợp đồng ký kết giữa 2 bên, vi phạm nghĩa vụ cam kết trả nợ cho Công ty Cổ phần T1. Vì vậy, Công ty T1 làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu sau:

- Buộc Công ty Cổ phần X (Nay là Công ty TNHH X) phải trả số tiền nợ gốc 57.152.000 đồng cho Công ty Cổ phần T1;

- Buộc Công ty Cổ phần X (Nay là Công ty TNHH X) phải trả số tiền lãi tạm tính phát sinh từ ngày 23/9/2021 đến ngày 28/4/2025 cho Công ty Cổ phần T1 do không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo lãi suất quy định của Ngân hàng N1 là 9%/năm với số tiền là: **18.571.248 đồng**.

- Buộc Công ty Cổ phần X (Nay là Công ty TNHH X) tiếp tục phải trả cho Công ty Cổ phần T1 số tiền lãi tính từ ngày 29/4/2025 đến khi hoàn trả đủ tiền cho Công ty T1 theo lãi suất quy định của Ngân hàng N1 là 9%/năm.

Nay Công ty Cổ phần T1 đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ khởi kiện do Công ty xuất trình để giải quyết vụ án.

- Về án phí: Công ty Cổ phần T1 đề nghị Công ty Cổ phần X (Nay là Công ty TNHH X) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn được và cũng không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập được các thông tin về bị đơn như sau:

Công an phường V, quận B, thành phố Hà Nội cung cấp: tại địa chỉ số C hẻm F Đ, phường V, quận B, thành phố Hà Nội không có biển hiệu Công ty Cổ phần X và Công ty Cổ phần X không hoạt động kinh doanh tại đây.

Công an phường D, quận C, thành phố Hà Nội cung cấp: ông Nguyễn Đức D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số B C11 tổ C phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên ông D đã bán nhà từ lâu và không còn ăn ở sinh sống tại địa chỉ số B C tổ C phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Tại Công văn số 2977/CCTT – ĐKKD ngày 02/08/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư thành phố H cung cấp: Công ty TNHH X; mã số doanh nghiệp A; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu ngày 07/12/2004, Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 21/01/2022. Tình trạng pháp lý hiện nay: đang hoạt động. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức D – Giám đốc.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Về xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, việc thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc tổng đạt các văn bản tố tụng đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt tại Toà án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; không có mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự nhận thấy yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần X (Nay là Công ty TNHH X) phải trả cho Công ty Cổ phần T1 số tiền nợ gốc là 57.152.000 đồng, và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 23/9/2021, lãi suất 9%/năm; Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

- Hợp đồng số 08/HĐKT-BD/2021 ký ngày 19/7/2021, giữa Công ty Cổ phần T1 và Công ty Cổ phần X (Nay là Công ty TNHH X) là hợp đồng do hai bên tự nguyện ký, hai bên đều có giấy phép đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận. Công ty Cổ phần X có trụ sở tại quận B, thành phố Hà Nội. Do vậy khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân cấp huyện. Việc Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Đức D đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đức D.

[2] Xét nội dung khởi kiện của Công ty Cổ phần T1 yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần X (Nay là Công ty TNHH X) phải thanh toán cho Công ty T1 tổng tiền là 75.669.248 đồng, bao gồm:

- Số tiền hàng còn thiếu trong Hợp đồng số 08/HĐKT-BD/2021 ký ngày

19/7/2021: 57.152.000 đồng;

- Số tiền lãi tạm tính, phát sinh từ ngày 23/9/2021 đến ngày 28/4/2025 do không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày hai bên ký Biên bản đối chiếu công nợ (ngày 22/9/2021) theo lãi suất quy định của Ngân hàng N1 là 9% năm với số tiền là: 18.517.248 đồng.

- Số tiền lãi tính từ ngày 29/4/2025 đến khi hoàn trả đủ tiền gốc cho Công ty T1 theo lãi suất quy định của Ngân hàng N1 là 9%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng số 08/HĐKT-BD /2021 ngày 19/7/2021 đã ký kết giữa Công ty T1 và Công ty X là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, người ký kết hợp đồng có đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên xác định là hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

Tổng giá trị hợp đồng số 08/HĐKT-BD /2021 ngày 19/7/2021 là 285.760.000 đồng. Tại Điều 2 của Hợp đồng quy định thời hạn thanh toán:

Đợt 1: Bên A tạm ứng cho bên B số tiền 142.880.000 đồng.

Đợt 2: Bên A thanh toán cho bên B số tiền 85.728.000 đồng.

Đợt 3: Bên A thanh toán cho bên B số tiền còn lại sau khi bên B hoàn thành công việc lắp đặt bàn bàn giao thiết bị không quá 10 ngày.

Ngày 20/7/2021 và ngày 26/7/2021, Công ty X đã thanh toán số tiền 228.608.000 đồng cho Công ty T1. Đến ngày 25/7/2021, Công ty T1 đã lắp và bàn giao đặt hệ thống bếp dầu 150-K20 công suất phục vụ cho 150 suất ăn/lần nấu cho Lữ đoàn 675/BC Pháo Binh theo đúng hợp đồng đã ký kết, thể hiện tại Biên bản nghiệm thu và bàn giao hệ thống bếp dầu 150-K20 ngày 25/7/2021. Số tiền hàng còn lại: 57.152.000 đồng, hai bên thỏa thuận trong hợp đồng sẽ được bên mua thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ khi bên B hoàn thành công việc lắp đặt bàn bàn giao thiết bị. Tuy nhiên đến ngày 22/9/2021, hai bên đã đối chiếu công nợ còn lại nhưng cho đến nay, Công ty X vẫn chưa thanh toán số nợ còn lại cho Công ty T1. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án. Như vậy căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thì việc Công ty X nợ Công ty T1: 57.152.000 đồng tiền mua hàng theo Hợp đồng số 08/HĐKT-BD/2021 ngày 19/7/2021 là có thật.

Từ những nhận định nêu trên, đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T1

buộc Công ty X thanh toán số tiền hàng còn thiếu trong Hợp đồng số 08/HĐKT-BD/2021 ngày 19/7/2021 là 57.152.000 đồng, căn cứ Điều 440 Bộ luật Dân sự, Điều 50, Điều 55 Luật Thương Mại có cơ sở để chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: theo nội dung của Hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị số 08/HĐKT-BD/2021 ký ngày 19/7/2021 giữa 02 công ty không thỏa thuận về lãi suất chậm trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi suất chậm trả trên số nợ chưa thanh toán kể từ 23/9/2021 (hai bên ký biên bản đối chiếu công nợ này 22/9/2021). Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng haythì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xác định lãi suất trung bình quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: *“Tòa án sẽ căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP N2, Ngân hàng TMCP C, Ngân hàng N3, ...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán để quyết định mức lãi suất chậm trả”*.

Công ty Cổ phần T1 yêu cầu thanh toán theo mức lãi suất 9%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của Ngân hàng TMCP N2, Ngân hàng TMCP C, Ngân hàng N3 có trụ sở, tại TP Hà Nội tại thời điểm thanh toán, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn vì vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu thanh toán lãi chậm thanh toán của phía nguyên đơn với số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 23/9/2021 đến ngày 28/4/2025 là **18.517.248 đồng** và tiếp tục tính lãi chậm thanh toán kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất 9%/năm.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.4 mục 1 phần II Mục A Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 440 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 24, 50, 55, 306 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.4 mục 1 phần II Mục A Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần T1.

2. Buộc Công ty Cổ phần X (Nay là Công ty TNHH X) phải trả cho Công ty Cổ phần T1 tổng số tiền tính đến ngày 28/4/2025 là 75.669.248 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 57.152.000 đồng ; Lãi chậm trả tính từ ngày 23/9/2021 đến ngày 28/4/2025 là: 18.517.248 đồng.

Kể từ ngày 29/4/2025 Công ty Cổ phần X (Nay là Công ty TNHH X) tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết số nợ gốc cho Công ty Cổ phần T1 theo mức lãi suất 9%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần X (Nay là Công ty TNHH X) phải chịu 3.783.462 đồng (ba triệu bảy trăm tám ba nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty Cổ phần T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.611.000 đồng (một triệu sáu trăm mười một nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002838 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND Quận Ba Đình;
- Chi cục THADS Quận Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Nam Hải

**HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

